

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ, QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGHIỆP VỤ VÀ CÔNG DỮ LIỆU NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN

I. Quá trình ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ và Quy định về Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

- Năm 2023, Cục 2 được giao thực hiện triển khai Đề án “Hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê của ngành Kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới”. Ngày 05/03/2024, Viện trưởng VKSND tối cao đã có Quyết định số 39/QĐ-VKSTC công nhận kết quả thực hiện Đề án của Cục 2.

- Căn cứ kết quả của Đề án, ngày 01/8/2024, Cục 2 đã có Tờ trình số 460/TTr-C2 trình đồng chí Nguyễn Huy Tiến (lúc đó là Phó Viện trưởng thường trực VKSND tối cao) xem xét, ký Quyết định ban hành Chế độ báo cáo thống kê mới. Đồng chí đã chỉ đạo Cục 2 trao đổi với Vụ 14 về quy trình ban hành Quyết định.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo nêu trên, Cục 2 đã phối hợp với Vụ 14 đề xuất thành lập Hội đồng thẩm định Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ ngành KSND và ngày 24/9/2024, Hội đồng thẩm định đã có Báo cáo thẩm định số 741/BC-HĐTD; trong đó, giao Cục 2 tiếp tục xin ý kiến các Vụ nghiệp vụ trước khi trình Viện trưởng VKSND tối cao xem xét, quyết định.

- Ngày 28/11/2024, sau khi tiếp thu đầy đủ ý kiến của các đơn vị nghiệp vụ, Cục 2 có Tờ trình số 722/TTr-C2 trình Viện trưởng VKSND tối cao về dự thảo Quyết định ban hành Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ ngành KSND và đồng chí Viện trưởng đã có ý kiến, đề nghị Cục 2 làm việc với Văn phòng, Vụ 14 để thay đổi kỳ báo cáo thống kê thống nhất với kỳ báo cáo của Viện trưởng VKSND tối cao trước Quốc hội.

- Ngày 30/12/2024, Cục 2 có Tờ trình số 808/TTr-C2 trình Viện trưởng VKSND tối cao v/v ký Quyết định ban hành Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ ngành KSND và đồng chí Viện trưởng đã có ý kiến chỉ đạo, chuyển Phó Viện trưởng VKSND tối cao Nguyễn Đức Thái cho ý kiến về một số nội dung do Thư ký Viện trưởng tham mưu, đề xuất.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Viện trưởng VKSND tối cao Nguyễn Đức Thái tại buổi làm việc ngày 05/02/2025, Cục 2 đã phối hợp với Văn phòng

VKSND tối cao và các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc VKSND tối cao hoàn thiện dự thảo Quyết định theo hướng:

+ Bổ sung, hợp nhất hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá công tác nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân (được ban hành theo các Quyết định 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 Quyết định số 559/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2019 của Viện trưởng VKSND tối cao) vào dự thảo Quyết định, gắn với đó là thay đổi tên gọi thành *Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ và Quy định về Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân.*

+ Bổ sung biểu mẫu thống kê công tác tuần vào quy định chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ (bên cạnh biểu mẫu thống kê tháng, 6 tháng, 12 tháng).

+ Thống nhất với các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc VKSND tối cao về việc đưa các tiêu chí thống kê phục vụ xây dựng 14 chuyên đề nghiệp vụ vào các biểu mẫu thống kê.

+ Rà soát, rút gọn lại các tiêu chí thống kê theo hướng rút gọn, tinh giản, bỏ bớt các tiêu chí trùng lặp, các tiêu chí ít khai thác...

- Ngày 25/02/2025, Cục 2 có Tờ trình số 101/TTr-C2 xin ý kiến và đồng chí Phó Viện trưởng phụ trách đơn vị đồng ý việc gửi xin ý kiến toàn Ngành về dự thảo Quyết định và ngày 03/3/2025, Cục 2 đã có văn bản số 844/VKSTC-C2 gửi xin ý kiến về dự thảo Quyết định.

- Ngày 01/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao đã ký Quyết định số 140/QĐ-VKSTC, ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ và Quy định về Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân (Quyết định 140).

Đây là một bước tiến quan trọng nhằm tạo ra một hệ thống công cụ thống kê đồng bộ, phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và đánh giá toàn diện hoạt động công tác thực hành quyền công tố kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành KSND

II. Nội dung Quyết định 140

Quyết định 140 hợp nhất 3 quyết định, Quyết định số 559/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2019, Quyết định số 560/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2019 và Quyết định 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao.

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ

Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ được hợp nhất từ 2 hệ thống chỉ tiêu theo Quyết định số 559/QĐ-VKSTC ngày 13/11/2019 về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt

động tư pháp và Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Hiện nay, việc đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các cấp được thực hiện trên cơ sở *Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ*. Hệ thống gồm 158 chỉ tiêu, được hệ thống hóa theo 10 khâu công tác nghiệp vụ chủ yếu của Ngành, kèm theo hướng dẫn định mức, phương pháp tính, yêu cầu cụ thể đối với từng chỉ tiêu.

Mục tiêu chính của hệ thống là đánh giá chính xác kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của các đơn vị trong ngành. Đồng thời, cung cấp thông tin và dữ liệu cần thiết cho lãnh đạo VKSND các cấp trong việc quản lý, chỉ đạo và điều hành hoạt động của ngành, đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình đánh giá.

Hệ thống này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ công tác báo cáo và thống kê, giúp lãnh đạo VKSND các cấp nắm bắt tình hình hoạt động của ngành để báo cáo công tác tại các kỳ họp của Viện trưởng VKSND tối cao tại kỳ họp Quốc hội, Báo cáo sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, đánh giá chất lượng công tác tại các kỳ kiểm tra, thanh tra; Xét thi đua, khen thưởng đảm bảo tính khách quan, dân chủ; Phục vụ báo cáo trước Hội đồng nhân dân và các hoạt động chính trị của ngành tại địa phương.

Việc tính toán các chỉ tiêu phải bám sát hướng dẫn, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, thực tiễn và khả thi.

2. Quy định về Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ:

Quy định về Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân gồm 9 điều, quy định cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, mục đích và đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho tất cả các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân, từ cấp huyện, cấp tỉnh, cấp cao và Viện kiểm sát quân sự các cấp, tối cao. Mục đích là xây dựng hệ thống báo cáo thống kê thống nhất, phục vụ công tác sơ kết, tổng kết, báo cáo Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan Đảng, Nhà nước và các báo cáo thường xuyên, đột xuất của Ngành.

- Hệ thống biểu mẫu thống kê: Gồm Biểu mẫu thống kê tuần, 17 biểu hình sự, 08 biểu dân sự và 12 phụ lục kèm theo, áp dụng cho các kỳ báo cáo: tuần, tháng, quý, 6 tháng, 12 tháng. Các biểu mẫu này được thiết kế đặt trên Cổng dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân.

- Kỳ báo cáo và nguồn dữ liệu: Kỳ báo cáo được thực hiện theo Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. Dữ liệu báo cáo được lấy từ phần mềm

Quản lý án (hình sự, dân sự) hoặc Công dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân (trong trường hợp nền tảng quản lý án chưa hoàn thiện).

Hệ thống biểu mẫu thống kê hình sự ban hành kèm theo Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ gồm 17 biểu và 12 phụ lục:

Biểu số 01: Thống kê kết quả công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Biểu số 02: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự. (*kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02*)

Phụ lục 01: Danh sách các trường hợp Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra do không phạm tội.

Phụ lục 02: Danh sách các trường hợp Viện kiểm sát đình chỉ vụ án do bị can không phạm tội.

Biểu số 03: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 03*)

Phụ lục 03: Danh sách bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 04: Thống kê kết quả xét xử sơ thẩm hình sự đối với các bị cáo.

Biểu số 05: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 04*)

Phụ lục 04: Danh sách các bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 06: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự.

Phụ lục 05: Danh sách các bị cáo Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 07: Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12*)

Phụ lục 06: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình

Phụ lục 07: Danh sách những người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã thi hành án, trốn, chết.

Phụ lục 08: Danh sách những người bị Tòa án phúc thẩm tuyên phạt tử hình.

Phụ lục 09: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình đã được xét xử phúc thẩm.

Phụ lục 10: Danh sách những người đã bị tuyên phạt tử hình mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên đình chỉ vụ án hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại.

Phụ lục 11: Danh sách những người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định của Chủ tịch nước.

Phụ lục 12: Danh sách những người hợp bị Tòa án tuyên phạt tử hình đang tạm giam

Biểu số 08: Thống kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 09: Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 10: Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 11: Thống kê kiểm sát việc áp dụng thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Biểu số 14: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội.

Biểu số 15: Thống kê kiểm sát việc chấp hành phân thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 16: Thống kê kiểm sát việc chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Biểu số 17: Thống kê vi phạm trong hoạt động tư pháp

Hệ thống biểu mẫu thống kê dân sự ban hành kèm theo Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ gồm 08 biểu.

Biểu số 18: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình (Biểu 18.1, Biểu 18.2 và Biểu 18.3).

Biểu 18.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 18.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 18.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 19: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại, lao động (Biểu 19.1, Biểu 19.2 và Biểu 19.3).

Biểu 19.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 19.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 19.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 20: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính (Biểu 20.1, Biểu 20.2 và Biểu 20.3).

Biểu 20.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 20.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 20.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 21: Thống kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Biểu 21.1 và Biểu 21.2).

Biểu 21.1: Thống kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Biểu 21.2: Thống kê kiểm sát giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo thủ tục xem xét lại kháng nghị của viện kiểm sát.

Biểu số 22: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (Biểu 22.1 và Biểu 22.2).

Biểu 22.1: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Biểu 22.2: Thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Biểu số 23: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Biểu 23.1 và Biểu 23.2).

Biểu 23.1: thống kê kiểm sát trình tự thủ tục đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Biểu 23.2: thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Biểu số 24: Thống kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính (Biểu 24.1 và Biểu 24.2).

Biểu 24.1: Thống kê kết quả thi hành án dân sự, hành chính.

Biểu 24.2: Thống kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính.

Biểu số 25: Thống kê giải quyết và kiểm sát giải quyết đơn trong hoạt động tư pháp (Biểu 25.1, Biểu 25.2, Biểu 25.3 và Biểu 25.4).

Biểu 25.1: Thống kê kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn trong hoạt động tư pháp.

Biểu 25.2: Thống kê giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát.

Biểu 25.3: Thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

Biểu 25.4: Thống kê giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát.

Điểm mới của Chế độ báo cáo thống kê đã bổ sung biểu mẫu báo cáo thống kê tuần, quý. Hệ thống biểu mẫu đã bổ sung đầy đủ các tiêu chí để làm căn cứ tính toán các chỉ tiêu thống kê trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê đánh giá nghiệp vụ; bổ sung các tiêu chí cứng để xây dựng 14 chuyên đề nghiệp vụ của Ngành; bổ sung các tiêu chí theo yêu cầu của Nghị quyết Quốc hội, yêu cầu của Ủy ban Tư pháp Quốc Hội...

II. Tổng quan về Công dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân

Thực hiện Kế hoạch số 129/KH-VKSTC ngày 07/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, ngành Kiểm sát nhân dân đã tích cực triển khai xây dựng Công dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân như một bước đi trong lộ trình chuyển đổi số công tác thống kê. Công dữ liệu được xây dựng với mục tiêu hình thành một cơ sở dữ liệu thống kê dùng chung cho toàn ngành, đảm bảo tính tập trung, thống nhất, đồng bộ và chính xác. Theo đó, toàn bộ dữ liệu thống kê từ năm 2023 trở về trước sẽ được rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa theo hệ thống chỉ tiêu mới quy định tại Quyết định số 140, bảo đảm định dạng thống nhất, lưu trữ và đồng bộ hóa trên cả máy chủ tại Trung tâm Dữ liệu ngành KSND, giúp việc truy xuất trở nên dễ dàng, thuận tiện.

Công dữ liệu giữ vai trò là trung tâm xử lý và cung cấp thông tin thống kê phục vụ hoạt động nghiệp vụ, quản lý và chỉ đạo điều hành trong toàn ngành. Đây cũng là nền tảng công nghệ gắn liền với Quyết định số 140. Thông qua hệ thống biểu mẫu điện tử được thiết lập sẵn, dữ liệu thực tiễn từ hoạt động công tác thực hành quyền công tố kiểm sát hoạt động tư pháp của Kiểm sát viên được cập nhật trực tiếp lên Công dữ liệu, từ đó được tổng hợp, phân tích và tạo thành các báo cáo theo 26 mẫu thống kê chuẩn.

Cổng dữ liệu ngành Kiểm sát nhân dân là công cụ hiện đại hỗ trợ đắc lực cho công tác thống kê, cho phép lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu một cách tập trung, giảm tình trạng dữ liệu phân tán, trùng lặp dữ liệu. Hệ thống có khả năng tự động hóa trong việc cập nhật và tra cứu số liệu trực tuyến, từ đó tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao hiệu quả công tác thống kê. Dữ liệu được cung cấp kịp thời, chính xác, phục vụ tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Viện kiểm sát các cấp. Đặc biệt, Cổng dữ liệu còn được thiết kế với tính mở cao, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu điều chỉnh hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê hằng năm cũng như các báo cáo đột xuất, bảo đảm thích ứng nhanh với yêu cầu thực tiễn của ngành.

Đặc biệt, từ các biểu mẫu thống kê đã được chuẩn hóa, Cổng dữ liệu cho phép kết nối, tích hợp để xây dựng các báo cáo thống kê liên ngành cũng như phục vụ báo cáo Hai chỉ tiêu thống kê quốc gia mà không cần tạo thêm biểu mẫu hay nhập lại dữ liệu. Điều này góp phần giảm đáng kể khối lượng công việc, tiết kiệm thời gian, nhân lực cho cán bộ làm công tác thống kê, đồng thời nâng cao tính chính xác và hiệu quả trong việc phối hợp liên ngành và đáp ứng yêu cầu báo cáo từ Trung ương.